

Bản án số: 106/2024/DS-PT

Ngày: 28 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2024/QĐPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Ngọc L, sinh năm 1955.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Kim C.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Bùi Thị Kim C: Chị Bùi Thị Kim L1; Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2024).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Ngọc L trình bày:

Do quen biết nên chị C có hỏi tiền góp nhiều lần của bà, sau đó chị C góp còn nợ 20.000.000 đồng chưa góp, mục đích chị C vay để cho người khác vay lại, giữa bà và chị C không có viết biên nhận, bà giao tiền cho chị C tại nhà bà, hàng tháng chị C góp tiền cho bà, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói. Sau khi vay thì chị C không có trả tiền cho bà. Bà có đến yêu cầu chị C trả nhiều lần nhưng chị C không có trả. Nay bà yêu cầu chị C trả số tiền vốn 20.000.000 đồng và lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 18/12/2022 đến ngày 18/9/2023 là 11 tháng bằng 3.652.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 23.652.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị Kim C trình bày:

Theo yêu cầu của bà L thì chị C không đồng ý, lý do chị C không có vay, trường hợp bà L cung cấp được biên nhận nợ là chị C có nợ bà L số tiền 20.000.000 đồng thì chị C đồng ý trả.

Người làm chứng Hồ Thị Bạch L2 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Chị là cháu của bà L, kêu bà L bằng dì, không có quan hệ họ hàng với chị C. Bà L có giao tiền 20.000.000 đồng cho chị C không thì chị không thấy nhưng chị là người chở bà L đem theo 20.000.000 đồng đến nhà chị C để bà L giao tiền cho chị C, khi bà L giao tiền chị không thấy, chị ở phía sau chở bà L để chị chở về nhà. Khi giao tiền giữa bà L với chị C tại nhà chị C thì chị C đóng cửa lại.

Người làm chứng Hồ Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Chị không có quan hệ gì với bà Hồ Ngọc L và chị Bùi Thị Kim C. Việc bà L có cho C vay số tiền 20.000.000 đồng không thì chị không biết và chị không có chứng kiến việc bà L giao tiền cho chị C. Chị chỉ biết bà L có đến nhà chị C nhiều lần để đòi nợ. Bà L đòi tiền chị C thì bà L có đến nhà chị nói vì nhà chị đối diện nhà chị C. Bà L điện thoại đòi tiền chị C tại nhà chị nên chị biết bà L đến đòi nợ tại nhà chị C thì giữa bà L và chị C nói chuyện với nhau chị nghe bà L hỏi có tiền chưa thì chị C nói là chiều đi.

Người làm chứng Hồ Thanh T xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án do bận công việc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L về việc yêu cầu bị đơn chị Bùi Thị Kim Chi trả tiền vốn và lãi suất là 23.652.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn bà Hồ Ngọc L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L buộc chị Bùi Thị Kim C phải trả số tiền vốn 20.000.000 đồng, tiền lãi 3.652.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 23.652.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hồ Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chị Bùi Thị Kim Chi trả cho bà số tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.652.000 đồng. Tổng cộng là 23.652.000 đồng. Bà L thừa nhận khi cho chị C vay không lập biên nhận vay nhưng bà L có ghi vào sổ nợ do bà L lập để theo dõi.

Người đại diện hợp pháp bị đơn C có chị L1 thừa nhận trước đây chị C có vay tiền góp bà L nhưng chị C đã trả xong. Chị C không còn nợ bà L nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L yêu cầu chị Bùi Thị Kim Chi t số tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.652.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 23.652.000 đồng.

Bà Hồ Ngọc L cho rằng trước đây bà có cho chị C vay nhiều lần tiền nhưng chị C đã trả xong. Đến ngày 18/12/2022 chị C có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, việc vay tiền của hai bên không được lập biên nhận nợ và lãi suất 2%/tháng cũng là thoả thuận miệng chứ không được ghi nhận bằng giấy tờ. Khi cho chị C vay bà L có lập sổ theo dõi nhưng không có buộc chị C ký tên. Sau khi vay tiền chị C không đóng tiền lãi cho bà và cũng không trả số tiền vốn 20.000.000 đồng dù bà đã qua nhà chị C đòi rất nhiều lần. Việc bà cho chị C vay tiền có các nhân chứng như chị L2, chị T biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn chị Bùi Thị Kim C và người đại diện theo uỷ quyền của chị C là chị Bùi Thị Kim L1 thừa nhận trước đây chị C có vay tiền góp của bà L nhiều lần nhưng sau đó chị C đã trả tiền xong cho bà L và xác định không có nợ bà L số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L cho rằng khi chị C không trả tiền bà có nhiều lần qua nhà chị C đòi tiền và gặp chị L1. Chị L1 có hứa trả dần thay chị C mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà L không đồng ý. Chị L1 thừa nhận có gặp bà L và hứa trả tiền thay chị C mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng sau đó chị gặp chị C thì chị C cho rằng không còn nợ tiền bà L nên chị không đồng ý trả tiền cho bà L.

Xét lời khai của những người làm chứng là chị Hồ Thị Bạch L2 và chị Hồ Thanh T tại cấp sơ thẩm đều thừa nhận không trực tiếp chứng kiến việc bà L giao chị C số tiền 20.000.000 đồng và chỉ biết bà L điện thoại đòi tiền chị C nhưng không biết số tiền bao nhiêu. Do đó, bà L cho rằng việc chị C nợ tiền bà L số tiền 20.000.000 đồng có các người làm chứng chị L2, chị T biết là không có căn cứ. Xét bà L khởi kiện yêu cầu chị Chi t số tiền vay 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.652.000 đồng nhưng chị C không thừa nhận. Ngoài lời trình bày thì bà

L không giao nộp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà L cho chị C vay số tiền 20.000.000 đồng. Án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L về việc yêu cầu chị Bùi Thị Kim Chi trả cho bà L số tiền vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.652.000 đồng, tổng cộng 23.652.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ theo Điều 2 Luật Người Cao tuổi và Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hồ Ngọc L.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, điều 26, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Ngọc L về việc yêu cầu bị đơn chị Bùi Thị Kim Chi trả số tiền vốn 20.000.000 đồng và lãi suất 3.652.000 đồng, tổng cộng là 23.652.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn bà Hồ Ngọc L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA 01;
- TACC 01;
- VKSND TVL 02;
- TAND H.T 01;
- Chi Cục THADS H.T 01;
- VKSND H.T 01;
- Đường sự 02;
- HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Nữ Phà Ca